BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN BẬC ĐẠI HỌC**

Họ và tên: Trần Diễm Quỳnh MSSV: 21022018

Lớp: ĐH. KHMT 2021 Khoa: Công nghệ thông tin

Học kỳ: 1 Năm học: 2023 - 2024 Khóa: 46

***(Căn cứ thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn** | **Mục tiêu** | **Nội dung đánh giá** | **Điểm chuẩn** | **Điểm**  **cá nhân** | **Điểm Lớp xét** |
| **I** |  | **Đánh giá về ý thức tham gia học tập** | **20** |  |  |
|  | 1 | Có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập  - Sinh viên đạt kết quả học tập loại Giỏi trở lên được tập thể lớp công nhận có tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập.  - Sinh viên đạt kết quả học tập loại Khá, thuộc diện hộ nghèo, diện hộ cận nghèo, thuộc diện gia đình chính sách *(con thương binh, con bệnh binh,…).* | 2 | ${cnI1} |  |
|  | **2** | **Kết quả học tập của học kỳ** | **12** |  |  |
|  | * *Từ 3.6 đến 4.0* | *12* |  |  |
| * *Từ 3.2 đến 3.59* | *10* |  |  |
| * *Từ 2.5 đến 3.19* | *8* |  |  |
| * *Từ 2.0 đến 2.49* | *6* |  |  |
| * *Từ 1.0 đến 2.0* | *4* |  |  |
| * *Dưới 1.0* | *0* |  |  |
|  | 3 | Có ý thức và thái độ học tập tốt:   * *Nghiêm túc trong giờ học lý thuyết, thực hành: +2 điểm* * *Bị cấm thi 1 môn trở lên: -2 điểm* | 2 | 2 |  |
|  | 4 | Có ý thức chấp hành và thực hiện nghiêm túc quy chế thi, kiểm tra  (*Sinh viên vi phạm quy chế thi: -2 điểm/lần)* | 2 | 2 |  |
|  | 5 | Có ý thức và thái độ tham gia các hoạt động ngoại khóa liên quan đến các hoạt động nghiên cứu khoa học*…*  *(Sinh viên là đội tuyển của Trường - Khoa tham gia nghiên cứu khoa học, các cuộc thi Olympic, Robocon, thi sinh viên giỏi…(có xác nhận của Phòng, Khoa, Trung tâm)* | 2 | ${cnI5} |  |
| **Tiêu chuẩn** | **Mục tiêu** | **Nội dung đánh giá** | **Điểm chuẩn** | **Điểm**  **cá nhân** | **Điểm Lớp xét** |
| **II** |  | **Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường** | **25** |  |  |
|  | 1 | Có ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong trường   * *Thực hiện đầy đủ và đúng thời gian quy định các thông báo của nhà trường: 5 điểm* * *Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm* | 5 | 5 |  |
|  | 2 | Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong nhà trường. | 20 |  |  |
|  | 2.1 | Có ý thức Chấp hành đúng các quy định của nhà trường.  *Sinh viên bị trừ điểm nếu vi phạm các nội dung sau:* | 5 | 5 |  |
| * *Làm hư hỏng tài sản, trang thiết bị của nhà trường, cá nhân và các khu vực công cộng khác (mức độ hư hỏng nhẹ chưa đến mức kỷ luật): - 5 điểm* |
| * *Có thái độ, hành vi ứng xử thiếu văn hóa, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể và vô lễ với Thầy giáo, Cô giáo, Cán bộ, viên chức, nhân viên, đội cờ đỏ trong Nhà trường và người học: - 5 điểm* |
| * *Vắng chào cờ (có danh sách vắng): -4 điểm/lần* |
|  | 2.2 | Có ý thức chấp hành tốt các nội quy, quy định khác được áp dụng trong nhà trường  *Sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học tập chính trị, chính sách pháp luật, các hoạt động chính trị, xã hội, các buổi sinh hoạt khác do BGH, Phòng, Khoa, Trung tâm, GVQL, Cố vấn học tập, và các tổ chức Đoàn thể tổ chức: 5 điểm (Vắng: -5 điểm/lần)* | 10 | 10 |  |
|  | 2.3 | Chấp hành đúng quy định của nhà trường về tác phong, trang phục, đeo thẻ sinh viên*…*  *(Trang phục không đúng quy định, không đeo thẻ sinh viên -2điểm/lần)* | 5 | 5 |  |
| **Tiêu chuẩn** | **Mục tiêu** | **Nội dung đánh giá** | **Điểm chuẩn** | **Điểm**  **cá nhân** | **Điểm Lớp xét** |
| **III** |  | **Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.** | **20** |  |  |
|  | 1 | Tham gia đầy đủ các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao   * *Tham gia cổ vũ các phong trào của trường:*   *4 điểm.*   * *Tham gia các phong trào ở lớp: 2 điểm* * *Tham gia đội tuyển của trường: 2 điểm* * *SV vắng tham gia các hoạt động ngoại khóa của đoàn Khoa, đoàn Trường: -4 điểm/lần.* | 8 | ${cnIII1} |  |
|  | 2 | Có ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội*.*   * *Tham gia hiến máu: 3 điểm* * *Mùa hè xanh: 3 điểm* * *Tiếp sức mùa thi: 3 điểm* * *Các hoạt động tình nguyện do Trường, Khoa tổ chức có danh sách xác nhận: 3 điểm* * *Tham gia phục vụ cho công tác tư vấn tuyển sinh của trường: 3 điểm* * *Tham gia lao động (có danh sách điểm danh của GVQL) làm sạch cảnh quan nhà trường:*   *3 điểm/học kỳ*   * *Sv vắng tham gia lao động (có danh sách vắng): -6 điểm/lần/học kỳ.* | 6 | ${cnIII2} |  |
|  | 3 | Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.  *(Sinh viên tham gia công tác tuyên truyền phòng chống tội phạm, các tệ nạn xã hội: 6 điểm. Bản thân sinh viên vi phạm: 0 điểm)* | 6 | 6 |  |
| **IV** |  | **Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng.** | **25** |  |  |
|  | 1 | Có ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng.  *(Tham gia tuyên truyền, học tập, triển khai và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước: 10 điểm. Sinh viên vi phạm pháp luật: 0 điểm)* | 10 | 10 |  |
|  | 2 | Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng   * *Ý thức tham gia các hoạt động xã hội do Đoàn, Hội, nhà trường phát động: 3 điểm(Không tham gia 0 điểm)* * *Được biểu dương khen thưởng: 2 điểm* | 5 | 5 |  |
| **Tiêu chuẩn** | **Mục tiêu** | **Nội dung đánh giá** | **Điểm chuẩn** | **Điểm**  **cá nhân** | **Điểm Lớp xét** |
|  | 3 | Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ bạn bè, người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.  *(Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, bạn bè, người có khó khăn, hoạn nạn, hoạt động từ thiện, cứu người, giúp người…: 10 điểm)* | 10 | ${cnIV3} |  |
| **V** |  | **Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong trường hoặc các thành tích đặc biệt đạt được trong học tập, rèn luyện của sinh viên.**  *(Sinh viên chỉ được chọn một trong số trong các tiêu chí bên dưới để chấm điểm)* | **10** |  |  |
|  |  | * BCH Đoàn trường; BCH Hội sinh viên; Trưởng Ban tự quản khu nội trú hoàn thành nhiệm vụ được giao (*Xuất sắc +10 điểm, Tốt +8 điểm, Khá +5 điểm).* * Thành viên đội tình nguyện, Đội văn nghệ, Thành viên đội cờ đỏ chấm theo danh sách điểm đề nghị của Thầy/Cô quản lý đội. | 10 | ${cnV1} |  |
| * Là Lớp trưởng, Bí thư chi đoàn lớp, Chi hội trưởng chi hội sinh viên, Phó ban tự quản khu nội trú hoàn thành nhiệm vụ được giao(*Xuất sắc +8 điểm, Tốt +6 điểm, Khá +4 điểm)* | 8 | ${cnV2} |  |
| * Là Lớp phó, Phó Bí thư chi đoàn lớp, Chi hội phó chi hội sinh viên, Thành viên ban tự quản khu nội trú hoàn thành nhiệm vụ được giao *(Xuất sắc +6 điểm, Tốt +5 điểm, Khá +3 điểm).* * Thành viên đội Phản ứng nhanh, đội Lễ tân chấm theo danh sách điểm đề nghị của Thầy/Cô quản lý đội. * SV có thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện được bằng khen từ cấp trường trở lên: +6 điểm | 6 | ${cnV3} |  |
| * Là Uỷ viên BCH Chi đoàn lớp, Uỷ viên BCH Chi hội sinh viên, Tổ trưởng, Thủ quỷ, Ca trưởng thực hành hoàn thành nhiệm vụ được giao *(Xuất sắc +4 điểm, Tốt +3 điểm, Khá +2 điểm)* * Đoàn viên tích cực của Đoàn khoa (có danh sách xác nhận kèm theo) chấm theo danh sách điểm đề nghị của Đoàn khoa. | 4 | ${cnV4} |  |
| **Tổng điểm:**điểm | | | **100** |  |  |

**\* Lưu ý: Sinh viên phải đọc kỹ các lưu ý sau:**

1. Sinh viên chỉ cộng hoặc trừ tối đa trên tổng số điểm chuẩn của từng tiêu chí đánh giá.
2. Sinh viên bị kỷ luật mức “khiển trách” chỉ xếp loại từ “Khá” trở xuống.
3. Sinh viên bị kỷ luật mức “cảnh cáo” chỉ xếp loại từ “Trung bình” trở xuống.
4. Phân loại kết quả rèn luyện:
   1. Điểm từ 90 đến 100 điểm: loại “Xuất sắc”
   2. Điểm từ 80 đến dưới 90 điểm: loại “Tốt”
   3. Điểm từ 65 đến dưới 80 điểm: loại “Khá”
   4. Điểm từ 50 đến dưới 65 điểm: loại “Trung bình”
   5. Điểm từ 35 đến dưới 50 điểm: loại “Yếu”
   6. Điểm dưới 35 điểm: loại “Kém”

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Vĩnh Long, ngày 13 tháng 01 năm 2024* | |
| **Giáo viên quản lý** | **Lớp Trưởng** | **Sinh viên** |
|  |  |  |
|  |  | Trần Diễm Quỳnh |